

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 15 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự và lực lượng dân quân các xã, thị trấn ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHOÁ XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về việc tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân cấp xã biên giới, ven biển, đảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1051-TB/TU ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án "Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động



[Handwritten signature]

của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân tự vệ các xã ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã, thị trấn ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

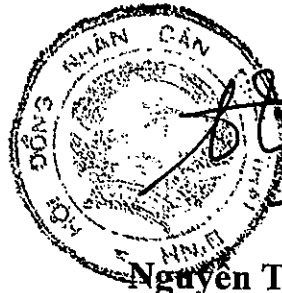
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *(H)*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Nội vụ;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân 14 xã ven biển;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Thái Bình, Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lru: VT, TTDN. *(B)*

CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Tiến Thành



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã, thị trấn ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới
(Kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

Phần thứ nhất SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”;

Căn cứ Kết luận số 41-KL/TW ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về việc tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân cấp xã biên giới, ven biển, đảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 2414/QĐ-BQP ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công nhận xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 575-NQ/ĐU ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Đảng ủy Quân khu 3 về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và xây dựng Đảng bộ năm 2024;

Công văn số 2081/BQP-TM ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Bộ Quốc phòng về việc xây dựng trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và nơi ăn, nghỉ của hải đội Dân quân Thường trực; Căn cứ Công văn số 1914/BQP-TM ngày 24 tháng 05 năm 2024; Công văn số 3391/BQP-TM ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Quốc phòng về việc triển khai tổ chức xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và nhà ở Dân quân Thường trực;

Căn cứ Công văn số 72/VTK-TKM ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Viện thiết kế/Tổng cục Hậu cần về việc cung cấp tài liệu hội thảo phương án thiết kế mẫu Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

Thực hiện Kết luận số 41-KL/TW ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới. Tuân thủ Điều 66 Hiến pháp năm 2013 “Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng;

quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 Khoá XI về “ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, với quan điểm “Lo giữ nước từ khi nước còn chưa nguy”, phải chủ động chuẩn bị bảo vệ Tổ quốc ngay khi đất nước đang hoà bình, phát triển.

Thái Bình là một tỉnh đồng bằng ven biển, với chiều dài bờ biển là 54 km trải dài trên 14 xã, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, thuộc địa bàn hai huyện là Tiền Hải, Thái Thụy, nằm trên hướng phòng thủ chủ yếu của tỉnh, hướng phòng thủ quan trọng của Quân khu 3. Mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 xác định: Tăng trưởng kinh tế có nhiều điểm mới, mở ra không gian phát triển mới thông qua hoạt động "lấn biển" phát triển kinh tế hướng biển, tạo sự phát triển đột phá ở lĩnh vực cảng, biển. Tuy nhiên, trước những tác động nhiều chiều của mặt trái cơ chế thị trường, sự chống phá của các thế lực thù địch, vấn đề an ninh nông thôn, an ninh biên giới biển, thiên tai, dịch bệnh... có tác động không nhỏ đến nhiệm vụ quốc phòng quân sự và an ninh. Từ mục tiêu trên đặt ra yêu cầu phát triển kinh tế xã hội phải gắn với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng trụ sở làm việc riêng cho Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; nâng cao chất lượng hoạt động dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp trên địa bàn tỉnh nói chung và dân quân các xã ven biển nói riêng là thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước: Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng; Nghị quyết của Đảng bộ Quân khu 3, Nghị quyết, Chỉ thị về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có 45,5% các xã ven biển, biên giới đất liền đã tổ chức lực lượng Dân quân Thường trực; trên 48% cấp xã đã xây dựng trụ sở làm việc riêng cho Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (Quân khu 7, Quân khu 9 đạt 100%, Quân khu 5 đạt 85,4%, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đạt 20%, một số địa phương ở khu vực phía Bắc đã xây dựng được khoảng 15%). Với thực trạng tỉnh Thái Bình chưa tổ chức thành lập lực lượng Dân quân Thường trực và xây dựng trụ sở làm việc riêng cho Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã. Vì vậy, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, gắn phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh với củng cố quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, phù hợp với nhu cầu sinh hoạt, làm việc, huấn luyện, hoạt động, sẵn sàng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ dân quân, thì xây dựng lực lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự, lực lượng dân quân, trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự các xã ven biển trong tình hình mới theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ đồng thời xây dựng điểm trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã tại các huyện, thành phố nội địa giai đoạn 2025-2030 để nhân rộng xây dựng trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã trên địa bàn tỉnh các năm tiếp theo là hết sức cần thiết.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ VÀ LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN CẤP XÃ

1. Thực trạng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã và lực lượng Dân quân cấp xã

Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã với vai trò là cơ quan Thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã, có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự ở cơ sở; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã chủ trì tham mưu và chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang ở cấp xã tác chiến trên địa bàn. Lực lượng dân quân nói chung được tổ chức ở cấp xã là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân, là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước; thời bình là lực lượng sẵn sàng chiến đấu, làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn ở cơ sở, phối hợp với các lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; Dân quân Thường trực nói riêng là một thành phần của Dân quân tự vệ, là lực lượng thường trực làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng.

Thực hiện Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 01 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2021 - 2025, do vậy công tác dân quân tự vệ trên địa bàn toàn tỉnh được triển khai đồng bộ, hoạt động có hiệu quả, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp nhằm xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân trên địa bàn các xã, thị trấn ven biển, góp phần cùng các lực lượng khác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới biển. Công tác tập huấn quân sự, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã được tiến hành thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng quân sự ở địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã còn có vướng mắc, chưa được tháo gỡ như: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển có trình độ đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở đạt tỷ lệ còn thấp (huyện Tiền Hải có 95,6% đạt trình độ trung cấp, 4,4% đạt trình độ cao đẳng; huyện Thái Thụy có 87,5% đạt trình độ trung cấp, 12,5% đạt trình độ cao đẳng). Từ đó, dẫn đến công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự của Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn có mặt còn hạn chế. Công tác huấn luyện, hội thi, hội thao, được tổ chức bài bản có nề nếp, song khả năng sẵn sàng

chiến đấu, hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân các xã, thị trấn ven biển với các lực lượng như công an, biên phòng... tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương kịp thời xử lý, giải quyết các vấn đề về lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên địa bàn, công tác nắm và trao đổi tình hình, báo cáo thông tin chưa được thống nhất; việc giao ban, sơ tổng kết hiệu quả còn chưa cao vì chưa được tổ chức lực lượng Thường trực làm nhiệm vụ trên các địa bàn trọng điểm về quốc phòng, công tác bảo đảm trang bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật dân quân còn nhiều khó khăn.

2. Thực trạng trụ sở và xây dựng trụ sở của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã gồm 04 chức danh (Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó). Trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên và tăng cường: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã luân phiên Thường trực 24/24 giờ tại nơi làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (quy định tại khoản 1 Điều 3 Chương II Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng). Trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao và toàn bộ: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã Thường trực 24/24 giờ tại nơi làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (quy định tại khoản 1 Điều 5 Chương II Thông tư số 43/2020/TT-BPQ ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng); được biên chế đầy đủ vũ khí, đạn, trang bị kỹ thuật quân dụng, công cụ hỗ trợ vật chất phòng, chống thiên tai, trang phục dân quân (cần phải có kho cất giữ vững chắc, bảo đảm tuyệt đối an toàn) để thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu theo quy định của pháp luật. Song, hiện nay qua kiểm tra, rà soát thực trạng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã trên địa bàn tỉnh chưa có trụ sở làm việc riêng, chỉ bố trí 01 phòng trong trụ sở Ủy ban nhân dân xã vận dụng làm phòng làm việc và làm kho tổng hợp nhưng diện tích chật, hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu, khó khăn trong quá trình hoạt động theo chức trách của cán bộ chỉ huy Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, không phù hợp trong tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hội thi, hội thao, luyện tập chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu và tổ chức chuẩn bị, thực hành diễn tập chiến đấu xã, phường, thị trấn trong khu vực phòng thủ; tiềm ẩn yếu tố mất an toàn.

Trên cơ sở xác định trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã là công trình lưỡng dụng, vừa là nơi công tác, sinh hoạt, học tập, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, vừa là nơi tránh trú an toàn của nhân dân trong mọi tình huống, đồng thời cũng là địa điểm tập trung lực lượng, phương tiện (phương châm 4 tại chỗ) cho các đơn vị hiệp đồng (bộ đội chủ lực, công an, biên phòng, hải quan, hải quân, cảnh sát biển, kiểm ngư, kiểm lâm...) thực hiện nhiệm vụ một cách nhanh chóng, thuận tiện khi có tình huống xảy ra như: thiên tai, dịch bệnh,

khắc phục hậu quả thảm họa và các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác đặc biệt là các xã biên giới biển. Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng lực lượng Dân quân Thường trực tại 14 xã, thị trấn ven biển đến năm 2028 thì việc đảm bảo nơi ăn, nghỉ, sinh hoạt, học tập, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu cho Tiểu đội Dân quân Thường trực là một yêu cầu cần triển khai thực hiện. Ngoài ra mỗi xã, phường, thị trấn biên chế 01 Trung đội Dân quân cơ động (quân số 28 đồng chí). Trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu tăng cường, duy trì 01 tiểu đội (09 đồng chí); trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ được mở rộng lên 02 đến 03 trung đội (quân số từ 56 đến 84 đồng chí), duy trì trực 100% quân số, sẵn sàng phối hợp với các lực lượng kịp thời xử trí các tình huống về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đánh địch tiến công vào địa bàn (theo điểm a, khoản 2, Điều 4; điểm a, b, khoản 2, Điều 5; khoản 2, Điều 6 Chương II, Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ Quốc phòng). Hằng năm, các thành phần dân quân được huấn luyện tập trung các nội dung chương trình cơ bản, luyện tập thành thực các phương án chiến đấu trong khu vực phòng thủ, bảo vệ an toàn các mục tiêu được giao, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn... nhưng chưa có nơi ăn, nghỉ tập trung, cho nên việc huy động lực lượng xử trí các tình huống còn chậm.

Công tác chính sách hậu phương quân đội, tuyển quân, tuyển sinh, đăng ký phục viên xuất ngũ, nghĩa vụ quân sự, Dân quân tự vệ, đăng ký, quản lý vật chất, vũ khí, trang bị đòi hỏi cần có không gian rộng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Mặt khác hiện nay các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thành lập chi bộ Quân sự theo chỉ đạo của Ban Tổ chức Trung ương và Tỉnh ủy, thì việc bảo đảm phòng hội họp, sinh hoạt chuyên biệt về quân sự cũng là yêu cầu rất cần thiết.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện;

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp; phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị, vai trò làm tham mưu của cơ quan quân sự địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự;

3. Xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự, lực lượng dân quân cấp xã có chất lượng tổng hợp cao, coi trọng chất lượng chính trị, khả năng sẵn sàng chiến đấu, gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện;

4. Bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách, trang thiết bị, nơi làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, nơi ăn, nghỉ của lực lượng Dân quân Thường trực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ven biển vững mạnh toàn diện, đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu theo quy định; có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân; nâng cao năng lực tham mưu quản lý nhà nước về quốc phòng, có trình độ tổ chức chỉ huy hoạt động sẵn sàng chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự, phòng thủ dân sự trên địa bàn biên giới biển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống;

b) Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân Thường trực, Dân quân cơ động, Dân quân biển; nâng cao chất lượng tổng hợp, hiệu quả hoạt động của Dân quân Thường trực. Phối hợp với các lực lượng bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới biển, giữ vững môi trường ổn định, phát triển kinh tế, xã hội trên tuyến biên giới biển;

c) Xây dựng trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự, nơi ăn nghỉ của lực lượng Dân quân Thường trực các xã, thị trấn ven biển, mô hình điểm trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã nội địa, để nhân rộng.

d) Bảo đảm trang thiết bị trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự, nơi ăn, nghỉ của lực lượng Dân quân Thường trực các xã, thị trấn ven biển.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ban Chỉ huy Quân sự xã

- Kiện toàn đủ 04 chức danh, cơ cấu đúng quy định của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

- Đến năm 2030 có 100% cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự 14 xã, thị trấn ven biển đạt trình độ từ trung cấp trở lên (Trong đó có trên 80% đạt trình độ cao đẳng, đại học);

- Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự các xã, phường, thị trấn còn lại có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học theo chỉ tiêu tuyển sinh ngành quân sự cơ sở hàng năm của Bộ quốc phòng;

- Có 100% Chính trị viên, Chính trị viên phó được bồi dưỡng, cập nhật về quốc phòng quân sự.

b) Lực lượng Dân quân Thường trực

- Đến năm 2028 có 14 xã, thị trấn ven biển trên địa bàn 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải tổ chức Tiểu đội Dân quân Thường trực;

- Các xã, phường, thị trấn nội địa có thể tổ chức Tiểu đội Dân quân Thường trực theo nhiệm vụ hoặc thời điểm;

- Tổ chức lực lượng dân quân trong đơn vị Thường trực làm nhiệm vụ: Bản tĩa tiêu diệt mục tiêu trọng yếu; sử dụng súng chế áp phương tiện bay không người lái;

- Bảo đảm huấn luyện, hoạt động, chế độ chính sách, vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho lực lượng Dân quân Thường trực.

c) Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

- Đến năm 2030 có 14 xã, thị trấn ven biển trên địa bàn 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải hoàn thành xây dựng trụ sở cho Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, nơi ăn nghỉ của lực lượng Dân quân Thường trực.

+ Năm 2024 - 2025: Xây dựng 03 trụ sở;

+ Từ năm 2026 - 2030: Xây dựng 11 trụ sở.

- Đến năm 2030 mỗi huyện, thành phố nội địa xây dựng 01 trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã làm điểm, để nhân rộng vào các năm tiếp theo.

d) Bảo đảm trang thiết bị cho trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã

- Bảo đảm trang thiết bị cho trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự các xã ven biển.

+ Năm 2025 bảo đảm cho 03 trụ sở;

+ Từ năm 2026 - 2030 bảo đảm cho 11 trụ sở.

- Các huyện, thành phố nội địa căn cứ vào kế hoạch xây dựng trụ sở để bảo đảm trang thiết bị cho phù hợp.

III. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

2. Đơn vị, địa bàn thực hiện:

a) Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Ủy ban nhân dân 14 xã, thị trấn ven biển thuộc 02 huyện Thái Thụy và Tiền Hải (Huyện Thái Thụy gồm các xã: Thái Đô, Thái Thượng, Thụy Hải, Thụy Trường, Thụy Xuân và thị trấn Diêm Điền; huyện Tiền Hải gồm các xã: Nam Phú, Nam Thịnh, Đông Minh, Đông Trà, Nam Cường, Nam Hưng, Đông Long, Đông Hoàng).

c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xây dựng điểm trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự trong toàn tỉnh.

Phần thứ 3

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. XÂY DỰNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ 14 XÃ, THỊ TRẤN VEN BIỂN

1. Kiện toàn Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển

Kiện toàn đủ 04 chức danh, cơ cấu đúng quy định của Ban Chỉ huy Quân sự các xã ven biển. Cụ thể:

- a) Chỉ huy trưởng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị;
- b) Chính trị viên do Bí thư cấp ủy xã đảm nhiệm;
- c) Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm;
- d) Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Đào tạo ngành quân sự cơ sở

a) Nhu cầu đào tạo

Đến năm 2030 đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở: 21 đồng chí (Đại học: 16 đồng chí; cao đẳng: 05 đồng chí). Cụ thể:

- Huyện Tiền Hải: 14 đồng chí (đại học: 11 đồng chí; cao đẳng: 03 đồng chí);
- Huyện Thái Thụy: 07 đồng chí (đại học: 05 đồng chí; cao đẳng: 02 đồng chí);
- Các xã, phường, thị trấn còn lại tiến hành quy hoạch nguồn, rà soát nhu cầu đào tạo, báo cáo cơ quan chức năng có liên quan đưa vào kế hoạch tuyển sinh quân sự theo chỉ tiêu tuyển sinh ngành quân sự cơ sở hằng năm của Bộ Quốc phòng.

b) Nguồn đào tạo

- Hệ chính quy cao đẳng, đại học: Tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hệ liên thông đào tạo cao đẳng, đại học: Tuyển chọn từ nguồn tại chỗ, người đang đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã;

- Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành quy hoạch nguồn đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở ở địa phương đạt trình độ từ cao đẳng trở lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;

- Hằng năm Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn để nâng cao trình độ trong công tác tham mưu, chỉ huy điều hành công tác quân sự quốc phòng địa phương.

c) Lộ trình đào tạo

- Năm 2025: Cử đi đào tạo 05 đồng chí có trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở (huyện Tiền Hải: 03 đồng chí; huyện Thái Thụy: 02 đồng chí);

- Năm 2026 - 2030: Cử đi đào tạo 16 đồng chí có trình độ đại học ngành quân sự cơ sở (huyện Tiền Hải: 11 đồng chí; huyện Thái Thụy: 05 đồng chí);

- Chỉ tiêu đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh quân sự ngành quân sự cơ sở hằng năm của Bộ Quốc phòng.

3. Bồi dưỡng, cập nhật bồi dưỡng về quốc phòng và an ninh cho Chính trị viên, Chính trị viên phó

a) 100% Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển được bồi dưỡng, cập nhật bồi dưỡng về quốc phòng và an ninh theo kế hoạch hằng năm của Bộ Quốc phòng;

b) Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn nội địa được bồi dưỡng, cập nhật bồi dưỡng về quốc phòng và an ninh theo kế hoạch của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.

4. Thành lập Tiểu đội Dân quân Thường trực, Tổ Dân quân bắn tỉa, chế áp phương tiện bay không người lái

a) Thành lập Tiểu đội Dân quân Thường trực

- Từ năm 2025 - 2028 thành lập 14 Tiểu đội Dân quân Thường trực của 14 xã, thị trấn ven biển. Quân số 140 đồng chí, mỗi Tiểu đội Dân quân Thường trực: 10 đồng chí, (huyện Thái Thụy: 06 tiểu đội, quân số 60 đồng chí; huyện Tiền Hải 08 tiểu đội, quân số 80 đồng chí). Cụ thể:

+ Năm 2025 thành lập: 03 tiểu đội (huyện Tiền Hải: 02 tiểu đội, huyện Thái Thụy: 01 tiểu đội);

+ Năm 2026 thành lập: 04 tiểu đội (huyện Tiền Hải: 03 tiểu đội, huyện Thái Thụy: 01 tiểu đội);

+ Năm 2027 thành lập: 03 tiểu đội (huyện Tiền Hải: 01 tiểu đội, huyện Thái Thụy: 02 tiểu đội);

+ Năm 2028 thành lập: 04 tiểu đội (huyện Tiền Hải: 02 tiểu đội, huyện Thái Thụy: 02 tiểu đội);

- Các xã, phường, thị trấn còn lại căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của địa phương có thể tổ chức Tiểu đội Dân quân Thường trực theo nhiệm vụ hoặc thời điểm;

- Tỷ lệ đảng viên đạt 28% trở lên so với tổng số dân quân của đơn vị Dân quân Thường trực.

b) Tổ chức Tổ dân quân

- Tổ chức 01 tổ dân quân (03 đồng chí) trong Tiểu đội Dân quân Thường trực; quân số: 42 đồng chí (huyện Thái Thụy 06 tổ, quân số 18 đồng chí; huyện Tiền Hải 08 tổ, quân số 24 đồng chí). Cụ thể:

+ Năm 2025 thành lập: 03 tổ (huyện Tiền Hải: 02 tổ, huyện Thái Thụy: 01 tổ);

+ Năm 2026 thành lập: 04 tổ (huyện Tiền Hải: 03 tổ, huyện Thái Thụy: 01 tổ);

+ Năm 2027 thành lập: 03 tổ (huyện Tiền Hải: 01 tổ, huyện Thái Thụy: 02 tổ);

+ Năm 2028 thành lập: 04 tổ (huyện Tiền Hải: 02 tổ, huyện Thái Thụy: 02 tổ);

- Các xã, phường, thị trấn còn lại khi tổ chức Tiểu đội Dân quân Thường trực theo nhiệm vụ hoặc thời điểm vận dụng linh hoạt để tổ chức Tổ dân quân bắn tỉa; chế áp phương tiện bay không người lái.

c) Tổ chức huấn luyện, hoạt động

Dân quân Thường trực được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập, thực hiện các nhiệm vụ phối hợp theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ và Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

d) Kinh phí đảm bảo

- Nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh bảo đảm chi hoạt động của Lực lượng Dân quân Thường trực (Theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP) dự kiến khoảng: 53,170 tỷ đồng (*Phụ lục 01*);

- Nguồn ngân sách Bộ Quốc phòng bảo đảm kinh phí mua sắm trang thiết bị súng bắn tỉa, súng chế áp phương tiện bay không người lái; công cụ hỗ trợ chuyên dùng và trang cấp cho các đơn vị theo quy định.

II. XÂY DỰNG TRỤ SỞ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ

1. Bố trí đất xây dựng trụ sở

a) Đất xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm diện tích từ 1.000m² đến 2.000m²/1 trụ sở, trường hợp không thể bố trí được phải đảm bảo tối thiểu 800 m² đất trở lên;

b) Quy hoạch đất: Đất quy hoạch xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo diện tích từ 1000 - 2000m²/1 trụ sở, trường hợp đặc biệt không thể bố trí được phải đảm bảo tối thiểu từ 800m² trở lên. Vị trí đất được chọn phải đảm bảo thuận lợi về giao thông, giải quyết thủ

tục hành chính phục vụ nhân dân và bảo đảm tính sẵn sàng cơ động, hoạt động huấn luyện, hội thi, hội thao, sẵn sàng chiến đấu, hoạt động phối hợp của lực lượng Dân quân tự vệ;

c) Lộ trình thực hiện: Đối với các xã, phường, thị trấn có vị trí quy hoạch trụ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp tỉnh, cấp huyện, có nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng thì báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và những năm tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các xã, phường, thị trấn chưa có quy hoạch hoặc điểm đất dự định bố trí không phù hợp, chưa đảm bảo yêu cầu thì khẩn trương rà soát, nghiên cứu quỹ đất hiện có, lựa chọn, giới thiệu địa điểm phù hợp để lập bổ sung vào quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã, đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quá trình thực hiện xây dựng trụ sở phải phù hợp với quy hoạch tổng thể của từng địa phương; có thể tận dụng đất và các công trình sẵn có mà không có nhu cầu sử dụng để cải tạo làm trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

2. Quy mô xây dựng

a) Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cho 14 xã, thị trấn ven biển thuộc 02 huyện Tiên Hải và Thái Thụy, trong đó: huyện Tiên Hải 08 xã, huyện Thái Thụy 06 xã (theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ);

b) Các huyện, thành phố nội địa căn cứ vào khả năng, tình hình thực tế của địa phương rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bảo đảm đáp ứng nhu cầu quỹ đất xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã. Đến năm 2030, xây dựng 06 trụ sở tại các huyện, thành phố nội địa làm điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng mô hình ra các năm tiếp theo;

c) Đối với các xã diện sáp nhập theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030, có thể tận dụng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trạm xá, nhà văn hoá thôn, tổ dân phố, cải tạo chuyển đổi công năng thành trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác quốc phòng quân sự ở cơ sở.

3. Phương án xây dựng

Theo thiết kế của Viện Thiết kế/Tổng cục Hậu cần/Bộ Quốc phòng có tính đến sự phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

a) Đối với xã, thị trấn có khuôn viên riêng, diện tích từ 1.000m² trở lên

- Nhà làm việc 2 tầng, diện tích sàn 538m²; gồm 7 gian, bước gian 3,6m; nhịp chính 6,0m; chiều cao tầng 1 là 4m, chiều cao tầng 2 là 4m; hành lang trước rộng 1,8m, hành lang sau rộng 2,1m bố trí khu vệ sinh khép kín. Tầng 1 bố trí phòng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó, trực ban, kho A2, bếp ăn. Tầng 2 bố trí phòng ở Tiểu đội Dân quân Thường trực, phòng sinh hoạt, giao ban, kho vật chất huấn luyện. Các hạng mục phụ trợ gồm: Tường rào bảo vệ, cổng chính, bãi tập thể lực, sân tập trung;

- Kinh phí dự kiến: 5,8 tỷ đồng/trụ sở.

b) Đối với xã, thị trấn không có khuôn viên riêng (nằm trong trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn)

- Diện tích xây dựng khoảng 250m² (tận dụng các không gian sử dụng chung trong Ủy ban nhân dân xã như hội trường, sân tập thể lực, nhà để xe ...). Nhà làm việc 2 tầng, diện tích sàn 378m²; gồm 5 gian, bước gian 3,6m; nhịp chính 6,0m, chiều cao tầng 1 là 4m, chiều cao tầng 2 là 4m; hành lang trước rộng 1,8m, hành lang sau rộng 2,1m bố trí khu vệ sinh khép kín. Tầng 1 bố trí phòng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó, trực ban, kho. Tầng 2 bố trí phòng ở Tiểu đội Dân quân Thường trực, bếp ăn;

- Kinh phí dự kiến: 3 tỷ đồng/trụ sở.

4. Lộ trình thực hiện

a) Năm 2025 xây dựng: 03 trụ sở không có khuôn viên riêng (huyện Tiền Hải: 02 trụ sở, huyện Thái Thụy: 01 trụ sở);

b) Năm 2026 xây dựng: 04 trụ sở (huyện Tiền Hải: 03 trụ sở không có khuôn viên riêng, huyện Thái Thụy: 01 trụ sở có khuôn viên riêng);

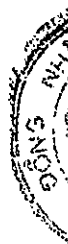
c) Năm 2027 xây dựng: 03 trụ sở có khuôn viên riêng (huyện Tiền Hải: 01 trụ sở, huyện Thái Thụy: 02 trụ sở);

d) Năm 2028 xây dựng: 02 trụ sở có khuôn viên riêng (huyện Tiền Hải: 01 trụ sở, huyện Thái Thụy: 01 trụ sở);

đ) Năm 2029 xây dựng: 02 trụ sở có khuôn viên riêng (huyện Tiền Hải: 01 trụ sở, huyện Thái Thụy: 01 trụ sở);

e) Từ năm 2025- 2030 các huyện, thành phố nội địa căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế của địa phương tiến hành xây dựng 01 trụ sở điểm/huyện, thành phố;

g) Năm 2030 tổng kết xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, thị trấn ven biển và các xã nội địa xây dựng điểm, rút kinh nghiệm mở rộng xây dựng trụ sở



Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã vào các năm tiếp theo.

5. Kinh phí đầu tư

a) Tổng mức đầu tư công dự kiến xây dựng 14 trụ sở (06 trụ sở không có khuôn viên riêng, 08 trụ sở có khuôn viên riêng) là 64,4 tỷ đồng (*Phụ lục 02*).

b) Cụ thể:

- Năm 2024-2025: Xây dựng: 03 trụ sở (trụ sở không có khuôn viên riêng), kinh phí 9 tỷ đồng;

- Năm 2026-2030: Xây dựng 11 trụ sở (03 trụ sở không có khuôn viên riêng, 08 trụ sở có khuôn viên riêng), kinh phí 55,4 tỷ đồng.

6. Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương gồm:

Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Cơ cấu nguồn vốn

a) Kinh phí giải phóng mặt bằng: Ngân sách cấp huyện, xã bố trí 100%;

b) Kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển: Ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách cấp tỉnh bố trí tối đa 70%, ngân sách cấp huyện bố trí tối thiểu 30%;

c) Kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã nội địa (làm điểm): Ngân sách cấp huyện, cấp xã bố trí 100%.

III. ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ

1. Bảo đảm trang thiết bị trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

a) Số lượng: 14 trụ sở các xã, thị trấn ven biển (theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ); Các huyện, thành phố nội địa xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã làm điểm;

b) Bảo đảm trang thiết bị theo Điều 5 Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

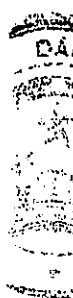
2. Lộ trình bảo đảm trang thiết bị

Theo lộ trình thực hiện xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã, thị trấn.

3. Kinh phí đầu tư

a) Khái toán kinh phí bảo đảm trang thiết bị trung bình: 552 triệu/01 trụ sở (*Phụ lục 03*);

b) Tổng mức đầu tư bảo đảm trang thiết bị: 14 trụ sở x 552 triệu đồng = 7,728 tỷ đồng (*Phụ lục 04*).



4. Nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng ngân sách thực hiện Đề án dự kiến là 125,298 tỷ đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu đồng) từ ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*Phụ lục 05*).

Cụ thể:

a) Nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để xây dựng 14 trụ sở là 64,4 tỷ đồng;

b) Nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh là 60,898 tỷ đồng (Kinh phí chi cho hoạt động của lực lượng Dân quân Thường trực 14 xã, thị trấn ven biển khoảng 53,170 tỷ đồng; kinh phí mua sắm thường xuyên trang thiết bị cho 14 trụ sở là 7,728 tỷ đồng);

2. Hằng năm Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập dự toán, chấp hành, quyết toán thu chi ngân sách địa phương bồi dưỡng tập huấn cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo hệ thống pháp luật về Dân quân tự vệ;

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo các ngành chức năng trực thuộc lập dự toán, chấp hành, quyết toán thu chi ngân sách để xây dựng trụ sở, chi trả tiền lương, phụ cấp, huấn luyện, hoạt động... cho lực lượng Dân quân Thường trực theo hệ thống pháp luật Dân quân tự vệ;

4. Bộ Quốc phòng bảo đảm đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở; bồi dưỡng, cập nhật bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự cho Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển; mua sắm trang thiết bị súng bắn tỉa, súng chế áp phương tiện bay không người lái; công cụ hỗ trợ chuyên dùng.

V. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp; có nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án;

2. Triển khai thực hiện việc xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động chi bộ quân sự cấp xã theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tăng cường, củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới;

3. Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của lực lượng Dân quân Thường trực trên địa bàn ven biển, và các xã nội địa trong tình hình hiện nay;

4. Rà soát, kiện toàn, sắp xếp tổ chức biên chế cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự đúng quy định, quy hoạch, đào tạo sử dụng Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; tuyển chọn lực lượng, thành lập Tiểu đội Dân quân Thường trực tại các xã ven biển, thực hiện tốt chế độ chính sách cho các đối tượng đúng quy định;

5. Rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương bảo đảm đáp ứng nhu cầu quỹ đất xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; trang bị tài sản. Xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí bảo đảm, triển khai thực hiện Đề án, các dự án đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả;

6. Nêu cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy vai trò chủ trì của cơ quan quân sự địa phương các cấp để tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Đề án;

7. Huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị hỗ trợ các xã ven biển, tăng cường tiềm lực quốc phòng quân sự;

8. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, khen thưởng, xử lý vi phạm; thực hiện sơ kết, tổng kết.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung Đề án. Chủ động tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc hoặc điều chỉnh bổ sung cho phù hợp điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng dân quân, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo;

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án giai đoạn năm 2025-2030; kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm; sơ kết, tổng kết, tham mưu đề xuất thực hiện trong những năm tiếp theo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kế hoạch vốn đầu tư công cho Đề án trên theo phân cấp quản lý, quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan;

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án.



3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan lập dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách địa phương thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Đề án trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư, cơ quan tổ chức có liên quan hướng dẫn, triển khai và kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh rà soát vị trí quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (khi có đề nghị) để điều chỉnh, cập nhật trong các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn có liên quan theo quy định;

Có trách nhiệm hướng dẫn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý hoạt động đầu tư xây dựng các trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự theo Đề án, đảm bảo tuân thủ đúng quy định về pháp luật về đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, hướng dẫn Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập thẩm định, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện khi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập hồ sơ theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoàn thiện các thủ tục về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài Chính, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải, huyện Thái Thụy và các huyện, thành phố làm tốt công tác quy hoạch, kiện toàn số lượng chức danh cán bộ theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự các xã, thị trấn ven biển và thực hiện tốt chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp cho các đối tượng theo chức năng, nhiệm vụ.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hướng dẫn thủ tục đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở cho Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự các ven biển.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Đề án.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải, huyện Thái Thụy lập dự án đầu tư xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện đúng lộ trình, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn ven biển rà soát, kiện toàn sắp xếp tổ chức biên chế cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự, thực hiện tốt chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp cho các đối tượng theo chức năng, nhiệm vụ; tiến hành thành lập Tiểu đội Dân quân Thường trực tại các xã, thị trấn ven biển, lập dự toán kinh phí, bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng Dân quân Thường trực theo kế hoạch xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ hàng năm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nội địa lập kế hoạch xây dựng, cải tạo, mua sắm trang thiết bị 01 trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (làm điểm) giai đoạn năm 2025- 2030 để nhân rộng vào các năm tiếp theo;

Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) kết quả triển khai thực hiện Đề án.

VI. TIẾN ĐỘ CỦA ĐỀ ÁN

1. Quý 4 năm 2024 các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án.

2. Đến năm 2028 thành lập xong 14 Tiểu đội Dân quân Thường trực tại 02 huyện Tiên Hải và huyện Thái Thụy; Tổ dân quân trong Tiểu đội Thường trực làm nhiệm vụ bắn tỉa tiêu diệt mục tiêu trọng yếu; sử dụng súng chế áp phương tiện bay không người lái.

3. Đến năm 2030 hoàn thành xây dựng 14 trụ sở các Ban Chỉ huy Quân sự xã, thị trấn ven biển, nơi ăn nghỉ của Dân quân Thường trực và 06 trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã làm điểm tại các huyện, thành phố nội địa để nhân rộng vào các năm tiếp theo.

4. Quý 4 năm 2030 tổng kết thực hiện Đề án./.



Phụ lục 01

**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYÊN
Cho hoạt động của lực lượng Dân quân Thường trực**

*(Kèm theo Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển
đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới)*

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Năm thực hiện	Đào tạo CHT Quân sự			Xây dựng lực lượng						Tổng cộng
		(Chỉ tiêu đào tạo)			Tiểu đội (a)/Quân số			Thành tiền			
		Tiền Hải	Thái Thụy	Tổng	Tiền Hải	Thái Thụy	Tổng	Tiền Hải	Thái Thụy	Tổng	
	Cộng	14	7	21	8a/80	6a/60	14a/140	31.750.500	21.419.500	53.170.000	53.170.000
1	2025	3	2	5	2a/20	1a/10	3a/30	1.704.000	852.000	2.556.000	2.556.000
2	2026	3	2	5	3a/30	1a/10	4a/40	4.288.500	1.713.500	6.002.000	6.002.000
3	2027	4	2	6	1a/10	2a/20	3a/30	5.149.500	3.435.500	8.585.000	8.585.000
4	2028	4	1	5	2a/20	2a/20	4a/40	6.869.500	5.139.500	12.009.000	12.009.000
5	2029				8a/80	6a/60	14a/140	6.869.500	5.139.500	12.009.000	12.009.000
6	2030							6.869.500	5.139.500	12.009.000	12.009.000

*** Ghi chú :**

- Ngân sách địa phương cấp tỉnh bảo đảm chi thường xuyên, hàng năm phân bổ cho cấp huyện, cấp xã
- Năm 2025 đào tạo 05 đồng chí có trình độ cao đẳng; từ năm 2026 đến năm 2030 đào tạo 16 đồng chí có trình độ đại học chuyên ngành quân sự cơ sở.
- Đối với các địa phương còn lại tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng và nhu cầu đào tạo của địa phương, đơn vị.



Phụ lục 02
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ CÔNG
Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã

*(Kèm theo Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển
đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới)*

ĐVT : Nghìn đồng

STT	Năm thực hiện	Phương án xây dựng trụ sở				Cơ cấu vốn						Phân nguồn ngân sách		
		Tiền Hải	Thái Thụy	Huyện, thành phố	Tổng	Tiền Hải			Thái Thụy			Cấp huyện	Cấp tỉnh	Tổng
						Huyện (30%)	Tỉnh (70%)	Cộng	Huyện (30%)	Tỉnh (70%)	Cộng			
	Cộng	8	6	6	20	9.720.000	22.680.000	32.400.000	9.600.000	22.400.000	32.000.000	19.320.000	45.080.000	64.400.000
1	2025	2	1		3	1.800.000	4.200.000	6.000.000	900.000	2.100.000	3.000.000	2.700.000	6.300.000	9.000.000
2	2026	3		6	9	2.700.000	6.300.000	9.000.000	0	0		2.700.000	6.300.000	9.000.000
3	2027	1	2		3	1.740.000	4.060.000	5.800.000	3.480.000	8.120.000	11.600.000	5.220.000	12.180.000	17.400.000
4	2028	1	2		3	1.740.000	4.060.000	5.800.000	3.480.000	8.120.000	11.600.000	5.220.000	12.180.000	17.400.000
5	2029	1	1		2	1.740.000	4.060.000	5.800.000	1.740.000	4.060.000	5.800.000	3.480.000	8.120.000	11.600.000
6	2030											0	0	0

- Nguồn vốn đầu tư công: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác .
- Kinh phí giải phóng mặt bằng: Do ngân sách cấp huyện, cấp xã bố trí 100%

Phụ lục 03
KHÁI TOÁN KINH PHÍ

Bảo đảm trang thiết bị Ban Chỉ huy Quân sự xã (Theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020)

*(Kèm theo Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển
đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới)*

DVT: Nghìn đồng

STT	Tên phòng làm việc	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Phòng làm việc của cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (Bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính, kết sắt đựng tài liệu mật, điện thoại cố định, quạt trần, quạt cây, bảng công tác, bảng chức trách nhiệm vụ, biển tên chức danh để bàn)	2	65.500	131.000	
2	Phòng sinh hoạt giao ban (Bàn ghế giao ban hội họp, ti vi, kệ ti vi, quạt trần, bảng công tác)	1	122.000	122.000	
3	Phòng trực ban, tiếp dân (Bàn ghế làm việc, quạt trần, điện thoại cố định, bảng lịch công tác tiếp dân)	1	62.000	62.000	
4	Phòng ở Tiểu đội Dân quân Thường trực (cơ động) (Giường tầng sắt, chiếu cói, đệm mút, quạt trần)	1	44.100	44.100	
5	Khu nấu ăn và khu vực ăn (Bàn, ghế ăn Inox, quạt trần, bếp ga, tủ bếp, tủ lạnh dụng cụ cấp dưỡng)	1	107.200	107.200	
6	Kho vật chất huấn luyện (Tủ sắt đựng vũ khí, tủ gỗ đựng trang phục dùng chung, giá sắt để vật chất huấn luyện)	1	69.240	69.240	
7	Kho công cụ hỗ trợ (Tủ sắt đựng công cụ hỗ trợ)	1	16.500	16.500	
	Tổng cộng kinh phí/1 trụ sở			552.040	



Phụ lục 04

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH CHI THƯỜNG XUYÊN

Bảo đảm trang thiết bị Ban Chỉ huy Quân sự xã

(Kèm theo Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Năm thực hiện	Phương án xây dựng trụ sở				Bảo đảm vật chất, trang bị			Ghi chú
		Tiền Hải	Thái Thụy	Huyện, thành phố nội đồng	Tổng	Tiền Hải	Thái Thụy	Tổng	
	Cộng	8	6	6	20	4.416.000	3.312.000	7.728.000	
1	2025	2	1		3	1.104.000	552.000	1.656.000	
2	2026	3		6	9	1.656.000	0	1.656.000	
3	2027	1	2		3	552.000	1.104.000	1.656.000	
4	2028	1	2		3	552.000	1.104.000	1.656.000	
5	2029	1	1		2	552.000	552.000	1.104.000	
6	2030								

Ghi chú : Khái toán chi phí đầu tư trang thiết bị : 552.000.000đ/1 trụ sở



Phụ lục 05

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Kèm theo Đề án xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Năm thực hiện	Ngân sách chi thường xuyên							Ngân sách đầu tư công									Phân kỳ thực hiện						Tổng cộng
		Xây dựng lực lượng			Bảo đảm vật chất			Cộng chi thường xuyên	Xây dựng trụ sở									Tiền Hải			Thái Thụy			
		Tiền Hải	Thái Thụy	Tổng	Tiền Hải	Thái Thụy	Cộng		Tiền Hải			Thái Thụy			Tổng xây dựng			Huyện bảo đảm	Tỉnh bảo đảm	Cộng	Huyện bảo đảm	Tỉnh bảo đảm	Cộng	
									Huyện 30%	Tỉnh 70%	Cộng	Huyện 30%	Tỉnh 70%	Cộng	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cộng							
	Cộng	31.750	21.420	53.170	4.416	3.312	7.728	60.898	9.720	22.680	32.400	9.600	22.400	32.000	19.320	45.080	64.400	9.720	58.846	68.566	9.600	47.132	56.732	125.298
1	Năm 2025	1.704	852	2.556	1.104	552	1.656	4.212	1.800	4.200	6.000	900	2.100	3.000	2.700	6.300	9.000	1.800	7.008	8.808	900	3.504	4.404	13.212
	Giai đoạn 2026-2030	30.046	20.568	50.614	3.312	2.760	6.072	56.686	7.920	18.480	26.400	8.700	20.300	29.000	16.620	38.780	55.400	7.920	51.838	59.758	8.700	43.628	52.328	112.086
2	2026	4.289	1.713	6.002	1.656		1.656	7.658	2.700	6.300	9.000	0	0		2.700	6.300	9.000	2.700	12.245	14.945	0	1.713	1.713	16.658
3	2027	5.150	3.435	8.585	552	1.104	1.656	10.241	1.740	4.060	5.800	3.480	8.120	11.600	5.220	12.180	17.400	1.740	9.762	11.502	3.480	12.659	16.139	27.641
4	2028	6.869	5.140	12.009	552	1.104	1.656	13.665	1.740	4.060	5.800	3.480	8.120	11.600	5.220	12.180	17.400	1.740	11.481	13.221	3.480	14.364	17.844	31.065
5	2029	6.869	5.140	12.009	552	552	1.104	13.113	1.740	4.060	5.800	1.740	4.060	5.800	3.480	8.120	11.600	1.740	11.481	13.221	1.740	9.752	11.492	24.713
6	2030	6.869	5.140	12.009			0	12.009								0			6.869	6.869		5.140	5.140	12.009

Ghi chú

- Tổng Ngân sách thực hiện Đề án 125,298 tỷ đồng. Chi thường xuyên cấp tỉnh 60,898 tỷ đồng; đầu tư công 64,4 tỷ đồng)
- Ngân sách bảo đảm năm 2025: 13,212 tỷ đồng. Chi thường xuyên 4,212 tỷ đồng; đầu tư công 9,0 tỷ đồng (Cấp tỉnh 6,3 tỷ; cấp huyện 2,7 tỷ)
- Ngân sách bảo đảm năm 2026-2030: 112,086 tỷ đồng. Chi thường xuyên 56,686 tỷ đồng; Đầu tư công 55,4 tỷ đồng (cấp tỉnh 38,78 tỷ; cấp huyện 16,62 tỷ)